

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN NAM TRỰC
TỈNH NAM ĐỊNH**

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh Phúc**

Bản án số: 03/2019/HNGĐ-ST

Ngày: 26-02-2019

V/v: Ly hôn giữa

chị L và anh B

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN NAM TRỰC, TỈNH NAM ĐỊNH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông Phạm Ngọc Quỳnh

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông: Nguyễn Văn Hà

Bà: Bùi Thị Hạnh

- Thư ký phiên tòa: bà Trịnh Thị Hằng – Thư ký TAND huyện Nam Trực.

Ngày 26 tháng 02 năm 2019, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Nam Trực, tỉnh Nam Định mở phiên tòa xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 164/2018/TLST-HNGĐ ngày 14 tháng 12 năm 2018 về việc "Ly hôn, tranh chấp nuôi con chung" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 11/2019/QĐXX ST-HNGĐ ngày 12 tháng 02 năm 2019 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Chị Tô Thị L – sinh năm 1979.

Địa chỉ: xóm 15, thôn T, xã Đ, huyện N, tỉnh Nam Định.

Bị đơn: Anh Đỗ Quang B – sinh năm 1975.

Địa chỉ: xóm 15, thôn T, xã Đ, huyện N, tỉnh Nam Định.

(Tại phiên tòa chị L có mặt, anh B vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện ngày 22 tháng 10 năm 2018 được bổ sung tại bản tự khai ngày 14 tháng 12 năm 2018 và tại phiên tòa, nguyên đơn là chị Tô Thị L trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: chị Tô Thị L và anh Đỗ Quang B kết hôn tự nguyện và có đăng ký kết hôn tại UBND xã Đ ngày 30/8/2000. Sau khi cưới vợ chồng chung sống hòa thuận đến năm 2008 chị phát hiện anh nghiện ma túy. Chị khuyên bảo anh không sửa chữa. Vợ chồng thường xuyên đánh chửi nhau vì chị không đưa tiền cho anh dùng ma túy. Năm 2013 anh đã bị Tòa án nhân dân thành phố Nam Định xử phạt 3 năm tù về tội Tàng trữ trái phép chất ma túy.

Đến năm 2016 anh ra trại nhưng không bỏ nghiện ma túy, anh chị thường xuyên cãi chửi nhau vì chuyện đó. Anh chị ly thân từ tháng 7 năm 2016 đến nay. Nay chị xác định tình cảm vợ chồng không còn, không thể đoàn tụ được nên đề nghị được ly hôn anh B.

Về con chung: anh chị đã có với nhau hai con chung, con lớn là Đỗ Quang K sinh năm 2001 đã chết, con nhỏ là Đỗ Thị Hồng M sinh ngày 10/4/2009 đang ở với chị. Khi ly hôn chị đề nghị được nuôi cháu M vì anh nghiện ngập và không yêu cầu anh cấp dưỡng nuôi con chung cho chị.

Về tài sản, công nợ: chị không yêu cầu Tòa giải quyết.

Bị đơn là anh Đỗ Quang B đã có bản khai xác định vợ chồng mâu thuẫn bất hòa từ năm 2010, vợ chồng ly thân từ 2011, nay chị xin ly hôn, anh nhất trí. Về con chung của anh chị như chị đã khai là có hai con, cháu lớn là Đỗ Quang K đã mất, cháu bé là Đỗ Thị Hồng M hiện đang ở với chị. Khi ly hôn anh xin nuôi con vì hiện anh làm nghề lái xe tải lương thu nhập 10 triệu đồng mỗi tháng. Về tài sản chung không có nên anh cũng không đề nghị Tòa án giải quyết. Anh B có đơn xin giải quyết vắng mặt anh trong quá trình giải quyết tại Tòa án các cấp.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được xem xét tại phiên tòa, căn cứ kết quả tranh tụng, Hội đồng xét xử nhận định:

[1]. Về thủ tục tố tụng anh B vắng mặt tại phiên tòa nhưng đã có đơn xin giải quyết vắng mặt anh tại Tòa án các cấp. Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt anh B theo quy định khoản 1 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự 2015.

[2]. Chị Tô Thị L và anh Đỗ Quang B kết hôn tự nguyện có đăng ký tại Ủy ban nhân dân xã Đ nên là cuộc hôn nhân hợp pháp. Anh chị chung sống hòa thuận đến năm 2008 thì anh chị mâu thuẫn do chị phát hiện anh nghiện ma túy, vợ chồng đánh cãi nhau thường xuyên, mặc dù anh phải đi trại chấp hành án 3 năm do ma túy nhưng khi ra trại anh vẫn không từ bỏ ma túy, anh chị ly thân từ 2016 đến nay. Xét cuộc hôn nhân khó tồn tại được. Do vậy chị L xin ly hôn anh B sẽ được Tòa án chấp nhận.

[3]. Về con chung: anh chị chỉ còn 01 con chung là Đỗ Thị Hồng M đang ở với chị. Cả anh và chị đều muốn trực tiếp nuôi con và không yêu cầu bên kia cấp dưỡng nuôi con chung nhưng xét thấy cháu M là con gái nên để chị chăm sóc trực tiếp cháu sẽ có nhiều thuận lợi hơn cho cháu, bản thân cháu M lại cũng có nguyện vọng ở với mẹ vì thế chấp nhận yêu cầu trực tiếp nuôi con của chị L. Chị làm công nhân thu nhập ổn định, chị không yêu cầu anh cấp dưỡng cũng được chấp nhận.

[4]. Về tài sản, công nợ đương sự không yêu cầu, Tòa án không xem xét.

[5]. Về án phí: chị L phải nộp 300.000 đồng án phí ly hôn.

Vì các lẽ trên:

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ các Điều 56; 81; 82, 83 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014.

Căn cứ Điều 147; khoản 1 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

Căn cứ Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội qui định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án:

1. Xử cho ly hôn giữa chị Tô Thị L và anh Đỗ Quang B.

2. Về con chung: Giao chị L trực tiếp nuôi dưỡng con chung Đỗ Thị Hồng M sinh ngày 10/4/2009 cho đến khi con chung đủ 18 tuổi, chấp nhận sự tự nguyện của chị L không yêu cầu anh B cấp dưỡng nuôi con chung cho chị. Anh B có quyền thăm nom chăm sóc con chung, không ai được cản trở quyền này.

3. Về án phí: chị L phải nộp 300.000 đồng án phí ly hôn được trừ vào số tiền 300.000 đồng chị đã nộp tạm ứng án phí tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Nam Trực theo biên lai thu tiền số: 0002122 ngày 14 tháng 12 năm 2018.

Báo cho chị L có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Anh B có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận bản án.

Nơi nhận:

- Đương sự;
- TAND tỉnh Nam Định;
- VKSND huyện + tỉnh;
- THADS huyện Nam Trực;
- UBND xã Đ;
- Lưu HS + VP.

**T.M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(đã ký)

Phạm Ngọc Quỳnh